

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/DS-PT

Ngày 01 – 02 – 2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và
nghĩa vụ trả tiền từ hợp đồng chuyển
nhượng QSD đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Trung

Các Thẩm phán: Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Nguyễn Thành lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyễn – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 338/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 264/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C . (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn Bé (tên gọi khác: Nguyễn Văn T2), sinh năm 1942 (có mặt).

2. Bà Phạm Thị T3, sinh năm 1950 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thu T6, sinh năm 1986 (vắng mặt).

2. Anh Trần Thành D1, sinh năm 1990 (vắng mặt).
3. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1951 (vắng mặt).
4. Anh Tăng Nghiêm T8, sinh năm 1971 (vắng mặt).
5. Chị Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1975 (có mặt).
6. Chị Tăng Nguyễn Mộng N, sinh năm 2000 (vắng mặt).
7. Tăng Nguyễn Kiều L, 16 tuổi;

Người đại diện hợp pháp: Anh Tăng Nghiêm T8, sinh năm 1971 (vắng mặt) và chị Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Văn B là nguyên đơn; Ông Nguyễn Văn Bé là bị đơn, chị Nguyễn Thanh T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Trần Văn B và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Năm 1977, Nhà nước cấp cho ông phần đất rừng tọa lạc ấp Cái Nai, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn có chiều ngang 02 công tằm lớn, chiều dài từ sông Bảy Háp đến Kênh Ngang. Năm 1986, ông Nguyễn Văn Bé và bà Phạm Thị T3 từ nơi khác đến được Nhà nước cấp Kênh Ngang (giáp ranh hậu đất của ông). Vì chiều ngang con kênh nhỏ, nên vợ chồng ông Bé thỏa thuận với 08 hộ dân để mua thêm mỗi hộ 01 phần đất sau hậu. Trong đó, ông B chuyển nhượng cho vợ chồng ông Bé phần đất sau hậu có diện tích 3.000m² với giá thỏa thuận 20 tạ lúa, hợp đồng bằng lời nói. Sau đó, gia đình ông B tiến hành đào ranh thẳng để tách 3.000m² cho vợ chồng ông Bé sử dụng. Từ khi chuyển nhượng, ông B đã giao đất nhưng ông Bé, bà T3 không trả lúa. Mặc dù ông B đã yêu cầu ông Bé thanh toán nhiều lần nhưng ông Bé không thực hiện.

Đối với bờ ranh, do ông Bé nhiều lần thuê xáng dây, xáng cuốc, máy khoan đất để cải tạo vuông nên làm thay đổi hiện trạng bờ ranh. Ông phát hiện vào khoảng năm 1996 – 1997 nên đã yêu cầu địa phương giải quyết nhiều lần, ông Bé hứa khắc phục lại hiện trạng và thanh toán cho ông B giá trị 3.000m² đất nhưng vẫn không thực hiện. Đến năm 2019, ông B cải tạo vuông, nạo vét bờ hậu thì ông Bé và chị T6 đứng ra ngăn cản nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông Trần Văn B yêu cầu ông Nguyễn Văn Bé và bà Phạm Thị T3 có nghĩa vụ thanh toán cho ông giá trị phần đất 3.000m² đã chuyển nhượng với số tiền 240.000.000 đồng (80.000 đồng/m²); yêu cầu ông Bé, bà T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao trả lại phần đất lấn chiếm diện tích là 112,8 m².

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn Bé trình bày:*

Khoảng năm 1981, ông Bé và bà T3 được Nhà nước giao phần đất 30 công để canh tác nuôi trồng thủy sản, không rõ kích thước bao nhiêu nhưng đã có bờ bao chu vi toàn bộ phần đất. Do phần đất ông B còn làm rẫy nên hai bên có bờ chung

để chống nước mặn. Lúc này, ranh đất giáp ông B, ông Lờ bị cong về phía đất của ông Bé nên ông thỏa thuận với ông B, ông Lờ chuyển nhượng thành quả lao động trên đất cho ông để ranh giới là đường thẳng. Việc chuyển nhượng vào năm 1984, không có đo đạc. Ông B chuyển nhượng cho ông 02 công đất tầm lớn, giá chuyển nhượng là 20 gia lúa, ông đã nhận đất và trả đủ lúa từ khi nhận chuyển nhượng. Khi đó, ông B đã đào bờ bằng tay để làm ranh giới thẳng hai phần đất của ông và ông B.

Ông và ông B phát sinh tranh chấp ranh đất khoảng 10 năm nay. Ông B yêu cầu đo lấy ranh thẳng giữa hai đoạn, ông yêu cầu giữ y hiện trạng mỗi bên $\frac{1}{2}$ bờ. Năm 2019, ông Bé tặng cho đất chị T6 và khi đo đạc thì phát sinh tranh chấp với ông B. Phần bờ chung đã có từ năm 1984, sau đó ông thuê xáng dây để lấy đất đắp lên cho bờ lớn hơn. Việc ông cải tạo lại con bờ các hộ giáp ranh đều hay biết nhưng không ai có ý kiến, chỉ riêng ông B không đồng ý.

Tại phiên tòa, ông Bé xác định việc sang nhượng đất, giao đất và trả lúa đều bằng lời nói, không làm thành văn bản. Từ khi nhận chuyển nhượng cho đến nay bờ ranh không thay đổi; Trường hợp ông chưa trả tiền sang nhượng đất thì gia đình ông B sẽ không đồng ý cho ông sử dụng đất và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1993. Nay ông Bé không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B. Nếu không đủ cơ sở xác định được ranh đất thì ông yêu cầu chia mỗi bên được sử dụng $\frac{1}{2}$ con bờ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thanh T6 trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của ông Bé, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B. Bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp diện tích 112,8m² cho gia đình bà quản lý, sử dụng.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T5 trình bày:*

Năm 1986, có 04 người chuyển nhượng đất cho ông Bé. Khi nhận chuyển nhượng đất, ông Bé có thuê con bà đào bờ ranh thẳng bằng tay. Thời gian sau, ông Bé thuê xáng dây để đắp đất lên cho bờ lớn ra thì phát hiện xáng mức làm bờ bị cong về đất của bà nên bà có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết hơn 10 năm nay. Chính quyền địa phương có tiến hành cắm lại ranh đất bằng cây, khi đó ông Bé nói cho gửi đất nhưng sau đó ông Bé đã nhổ bỏ cây cắm ranh đất. Sau khi chuyển nhượng đất, bà có yêu cầu ông Bé, bà T3 thanh toán nhiều lần nhưng vợ chồng ông Bé không trả nên phát sinh tranh chấp. Bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đòi lại diện tích đất 112,8m² bao gồm các điểm M22M28M6.

Buộc ông Nguyễn Văn Bé, bà Phạm Thị T3, anh Tăng Nghiêm T8, chị Nguyễn Thanh T6, chị Tăng Nguyễn Mộng N, Tăng Nguyễn Kiều L phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T5 diện tích đất 112,8m² bao

gồm các điểm M22M28M6, đất tọa lạc ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C . có vị trí tứ cận kèm theo.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu ông Bé và bà T3 giao trả cho ông giá trị 3.000m² bằng 240.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2022, ông Nguyễn Văn Bé có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B giữ nguyên diện tích đất 112,8m² tọa lạc ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C . cho gia đình ông quản lý sử dụng.

Ngày 26/9/2022, chị Nguyễn Thanh T6 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B giữ nguyên diện tích đất 112,8m² tọa lạc ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C . cho gia đình bà quản lý sử dụng.

Ngày 28/9/2022, ông Trần Văn Bôn có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Bé, bà T3 thanh toán giá trị theo hợp đồng chuyển nhượng đất diện tích 3.000m² tọa lạc ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C ..

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé, chị Nguyễn Thanh T6 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tranh luận:

Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ông Bé thừa nhận có nhận chuyển nhượng 3000m² đất của ông B nhưng ông Bé không có chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán tiền cho ông B nên ông Bé phải có trách nhiệm trả cho ông B 240.000.000 đồng.

Về nội dung tranh chấp ranh đất: Ông Bé đã có lời khai thừa nhận khi cải tạo bờ đã làm bờ cong vào đất của ông B nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Bé tranh luận: Phần bờ của đất ông và ông B đã có trên 30 năm, ông không có làm thay đổi hiện trạng nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B. Đối với phần tiền chuyển nhượng đất ông Bé đã trả cho ông B xong nên ông được quản lý, sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1993.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thanh T6 tranh luận: Từ trước đến nay, ông B không có yêu cầu địa phương giải quyết tranh chấp về trả tiền chuyển nhượng đất, gia đình bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội

đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung tranh chấp trong vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé, chị Nguyễn Thanh T6. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé, bà Nguyễn Thanh T6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền do chuyển nhượng quyền sử dụng phần đất diện tích 3.000 m² và tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) diện tích 112,8m² tọa lạc tại ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C ..

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Văn B: ông B khởi kiện yêu cầu ông Bé trả 240.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 3.000m². Xét thấy, ông B và ông Bé đều thừa nhận ông B có chuyển nhượng cho ông Bé phần đất vào khoảng năm 1984 – 1986 với giá 20 gia lúa. Mặc dù, ông Bé không có chứng cứ chứng minh đã trả cho ông B 20 gia lúa nhưng khi các đương sự chuyển nhượng phần đất không lập thành văn bản mà chỉ giao dịch bằng lời nói và ông Bé đã nhận đất canh tác từ khi nhận chuyển nhượng, đến năm 1993 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Bé đã canh tác thời gian dài nhưng ông B không có kiện yêu cầu trả số tiền này. Những người công tác tại địa phương vào những năm 1990 đến nay như ông Trần Văn Tùng, ông Đặng Ngọc Dành, ông Hồ Thanh Nhẫn đều xác định không có hòa giải đối với việc chuyển nhượng đất giữa ông B và ông Bé. Ngoài ra, khi nhận chuyển nhượng đất, ông Bé có thuê gia đình ông B đào đất đắp bờ để ngăn cách phần đất của ông B và ông Bé nên nếu ông Bé không thanh toán xong giá trị chuyển nhượng thì ông B và các con ông B không thể đào thuê đất cho ông Bé. Hơn nữa, ông Bé đã sử dụng phần đất chuyển nhượng liên tục, không tranh chấp đến năm 2019 là đã hơn 30 năm nên phần đất tranh chấp đương nhiên thuộc quyền sử dụng của ông Bé. Do đó, ông B yêu cầu ông Bé trả giá trị quyền sử dụng đất cho ông B số tiền 240.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Bé, bà Nguyễn Thanh T6 về việc không đồng ý trả phần đất tranh chấp diện tích 112,8 m². Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Xét về diện tích đất, ông B và ông Bé đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993. Ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 47.810 m²; qua đo đạc thực tế, ông B đang sử dụng phần đất diện tích 47.840,3 m² (chưa tính diện tích đất tranh chấp). Ông Bé được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 15.280m²; qua đo đạc thực tế, ông Bé đang sử dụng phần đất diện tích 35.506,6m² (chưa tính diện tích đất tranh chấp). Như vậy, ông B và ông Bé đều đang sử dụng phần đất nhiều hơn diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, không thể căn cứ vào diện tích được cấp

giấy chứng nhận của các đương sự mà phải căn cứ vào quá trình sử dụng, quản lý đối với phần đất tranh chấp của các đương sự để giải quyết vụ án.

[3.2] Phần đất tranh chấp là bờ và một phần đất vuông. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Văn Bé thừa nhận khi ông B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bé thì ông Bé thuê cha con ông B đào ranh đất là ranh thẳng. Năm 1990, ông thuê xáng dây mức đất làm ranh đến phần ranh đất của ông B vào ban đêm, ông không có chỉ ranh nên bờ bị cong (BL 206). Tại Biên bản làm việc ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn (BL143) ông Nguyễn Văn Bé trình bày “Bờ cong là do trước đây tôi thuê xáng dây vào mức đất làm bờ ranh, khi đến đất của ông Lê Thanh Hùng thì xáng dây né đất ông Hùng nên hơi bị cong về phía đất ông B”. Như vậy, chính ông Bé đã thừa nhận, bờ khi chuyển nhượng là bờ thẳng, việc bờ cong là do lỗi của ông Bé.

[3.3] Ông Bé cho rằng, khi ông Bé làm bờ cong thì ông B không có ý kiến nên không đồng ý trả lại đất. Ông B trình bày, ông có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần, ông Bé nhận sai và hứa khắc phục nhưng không chịu khắc phục. Hội đồng xét xử xét thấy, những người công tác tại địa phương vào những năm 1990 đến nay như ông Trần Văn Tùng, ông Đặng Ngọc Dành, ông Hồ Thanh Nhẫn, ông Trương Văn Hải xác định: Ông B có thừa ông Bé tranh chấp ranh đất tại Ban nhân dân ấp nhiều lần, Ban nhân dân ấp cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thỏa thuận được. Như vậy, ông Bé làm bờ ranh lấn qua đất của ông B là có thực tế. Ông B không đồng ý nên có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết nhiều lần. Do ông Bé tác động làm ranh đất cong và lấn qua đất của ông B phần đất diện tích 112,8 m² nên án sơ thẩm buộc ông Bé trả cho ông B quyền sử dụng phần đất diện tích 112,8 m² là có cơ sở.

[4] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé, chị Nguyễn Thanh T6. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có điều chỉnh cách tuyên án để dễ thi hành án.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thanh T6 không được chấp nhận nên chị T6 phải chịu 300.000 đồng, có nộp tạm ứng 300.000 đồng được chuyển thu, đối trừ.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé, chị Nguyễn Thanh T6.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B đòi lại diện tích đất 112,8m² bao gồm các cạnh M22M28M6M22.

Buộc ông Nguyễn Văn Bé, bà Phạm Thị T3, anh Tăng Nghiêm T8, chị Nguyễn Thanh T6, chị Tăng Nguyễn Mộng N, Tăng Nguyễn Kiểu L phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị T5 diện tích đất 112,8m² bao gồm các cạnh M22M28M6M22, đất tọa lạc ấp C, xã H, huyện N, tỉnh C . có các hướng tiếp giáp:

Hướng Đông: Điểm M6 (có trụ đá) tiếp giáp ranh đất giữa ông Nguyễn Văn Bé và ông Lê Thanh Hùng.

Hướng Tây: Điểm M22 (có trụ đá) tiếp giáp ranh đất giữa ông Nguyễn Văn Bé và ông Nguyễn Trường Sơn.

Hướng Nam: Cạnh M22M6 dài 73,77m tiếp giáp đất ông Nguyễn Văn Bé.

Hướng Bắc: Cạnh M22M28 dài 30,30m và cạnh M28M6 dài 43,73m tiếp giáp đất ông Trần Văn B.

(Có bản vẽ hiện trạng ngày 15/3/2022 của Công ty TNHH - MTV Tài nguyên và Môi trường Dân Phong kèm theo thể hiện vị trí, ranh giới, kích thước phần đất).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu ông Bé và bà T3 trả cho ông B số tiền 240.000.000 đồng.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn Bé, bà Phạm Thị T3, anh Tăng Nghiêm T8, chị Nguyễn Thanh T6, chị Tăng Nguyễn Mộng N, Tăng Nguyễn Kiểu L phải có nghĩa vụ liên đới giao trả lại cho ông B số tiền 11.739.500 đồng. Ông B phải chịu số tiền 11.739.500 đồng, ông B đã dự nộp và đối chiếu thanh toán xong.

4. Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Nguyễn Văn Bé, bà Phạm Thị T3, ông Tăng Nghiêm T8, bà Nguyễn Thanh T6, chị Tăng Nguyễn Mộng N, Tăng Nguyễn Kiểu L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Bé, bà Phạm Thị T3, ông Tăng Nghiêm T8, bà Nguyễn Thanh T6, chị Tăng Nguyễn Mộng N, Tăng Nguyễn Kiểu L liên đới chịu số tiền 451.200 đồng. Ông B được miễn án phí.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn B, ông Nguyễn Văn Bé được miễn. Bà Nguyễn Thanh T6 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/10/2022, bà T6 đã

nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015758 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Trung